

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 103/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-11-2018

V/v Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Bà Lê Thị Một.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh , tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **507/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018** về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T (tên gọi khác M), sinh năm 1991.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 11, đường THĐ, khu phố M, phường M, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

Bị đơn: Anh Giản Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ cư trú: Tổ 5, khu phố NP, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Hiện đang chấp hành án tại Đội 13K1, Phân trại M, Trại giam CC. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên vắng nhà, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên giữa vợ chồng xảy ra cãi vã, gây gổ với nhau. Năm 2017 anh T bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và hiện nay đang chấp hành án ở Đội K13, Phân trại M, Trại giam CC. Do tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung.

Về tài sản chung; nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 02-10-2018 và ngày 17-10-2018, bị đơn anh Giản Văn T trình bày:

Anh và chị T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 1994 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn. Do anh phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và hiện nay đang chấp hành án ở Trại giam CC nên chị T xin ly hôn. Nay ra Tòa, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T (M) đối với anh Giản Văn T về việc “Ly hôn”. Cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T.

Về con chung: Không có.

Về nợ chung, tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Giản Văn T có địa chỉ cư trú tại phường NT, thành phố TN. Do đó xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” và Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại **Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố TN vào năm 2015 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

Ngày 11-5-2016 anh T bị Công an bắt giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và hiện nay đang chấp hành án ở Trại giam CC. Nay chị T xin ly hôn, anh T đồng ý nhưng yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt. Do vậy có căn cứ chấp nhận cho chị T ly hôn với anh T theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T (M) đối với anh Giản Văn T về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Bích T (M) đối với anh Giản Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T (M) phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị đã nộp theo biên lai thu số 0005968 ngày 04-9-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND.TTN;
- VKSND.TPTN;
- CC.THADS TPTN;
- UBND P1, TP.TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Như Sơn